



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
TRƯỜNG CÔNG NGHỆ
Khoa Hệ thống thông tin quản lý

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

**CHUYỂN ĐỔI SỐ CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN
TRONG KHỐI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀO TẠO
NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ**



Scanned by TapScanner

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
CHUYỂN ĐỔI SỐ CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN
TRONG KHỐI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀO TẠO
NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ



ISBN: 978-604-76-3024-0



9 786047 630240

SÁCH KHUÔNG BÁN

Scanned by TapScanner

MỤC LỤC

PHẦN I: CHUYÊN ĐỔI SỐ CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC	
TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ CHUYÊN ĐỔI SỐ QUẢN LÝ SINH VIÊN TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC	2

<i>TS. Nguyễn Thị Bạch Tuyết, ThS. Vũ Ngọc Thanh Hà, ThS. Nguyễn Hồng Quân</i>	
ẢNH HƯỞNG CỦA CHUYÊN ĐỔI SỐ ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	13

<i>TS. Trần Quang Yên, Tống Thị Minh Ngọc</i>	
NGHIÊN CỨU CHUYÊN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI VIỆT NAM.....	22

<i>Đặng Thị Minh Hằng, Đỗ Thị Trang, Phạm Việt Thảo, Ngô Thị Kim Oanh</i>	
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHUYÊN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN LÝ SINH VIÊN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.....	31

MCS - Dạy - Học - L.C - 1

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHUYÊN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM.....	37
---	----

TS. Lê Việt Hà, TS. Trần Thị Kim Oanh, TS. Dương Thị Hải Phương

TÁC ĐỘNG CỦA CHUYÊN ĐỔI SỐ ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN.....	50
--	----

<i>ThS. Nguyễn Thị Hồng Thúy, ThS. Nguyễn Thanh Thúy</i>	
VAI TRÒ CỦA NỀN TẢNG SỐ TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC	64

<i>ThS. Đàm Lan Nhi</i>	
GIẢI PHÁP QUẢN LÝ DỮ LIỆU SINH VIÊN TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CHUYÊN ĐỔI SỐ	71

<i>TS. Chu Thị Hồng Hải</i>	
TỐI ƯU HÓA QUY TRÌNH GIẢNG DẠY: GIẢI PHÁP ĐIỂM DANH THÔNG MINH.....	82

<i>ThS. Trần Đình Khánh</i>	
CHUYÊN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN: CÁCH MẠNG HÓA QUẢN LÝ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	88

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

Lê Việt Hà¹, Trần Thị Kim Oanh², Dương Thị Hải Phương³

Trường Đại học Thương Mại¹, Trường Đại học Vinh², Đại học Kinh tế - Đại học Huế³
Email: levietha@tmu.edu.vn¹, oanhttkcntt@vinhuni.edu.vn², dthphuong@hce.edu.vn³

Tóm tắt

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, một số trường đại học tại Việt Nam đã tiên phong ứng dụng công nghệ mới, chủ động triển khai chuyển đổi số trong các hoạt động của mình. Trong đó, công tác quản lý sinh viên là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong các hoạt động giáo dục đào tạo. Bài báo tập trung phân tích thực trạng chuyển đổi số công tác quản lý sinh viên tại một số trường đại học ở Việt Nam. Kết quả phân tích cho thấy các trường đại học ở Việt Nam đã sử dụng phần mềm quản lý sinh viên trực tuyến, tin học hóa các thủ tục hành chính và tích hợp thẻ sinh viên thông minh. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chuyển đổi số công tác quản lý sinh viên được đề xuất trong bài báo gồm: thành lập trung tâm hỗ trợ sinh viên, đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi số, nâng cao nhận thức và năng lực số cho các bên liên quan, xây dựng hạ tầng dữ liệu và phân tích dữ liệu sinh viên. Kết quả nghiên cứu góp phần đánh giá thực trạng đổi mới toàn diện các hoạt động quản lý sinh viên, nâng cao chất lượng đào tạo và khẳng định vị thế của các trường đại học ở Việt Nam.

Từ khóa: chuyển đổi số, quản lý đào tạo, quản lý sinh viên, trường đại học

1. Mở đầu

Chuyển đổi số trong giáo dục là quá trình tích hợp công nghệ kỹ thuật số vào tất cả các lĩnh vực của giáo dục để cải thiện chất lượng học tập, giảng dạy và quản lý sinh viên (OECD, 2019). Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, chuyển đổi số (CDS) được coi là một cuộc cách mạng chuyển đổi toàn diện về cách thức vận hành và hoạt động của nhà trường, mang đến những giá trị mới cho sinh viên và vị thế mới cho nhà trường (Marks et al., 2021; Altbach & Reisberg, 2020; Gardner et al., 2021). Các công nghệ mới đang dần trở thành động lực thúc đẩy sự thay đổi trong giáo dục nghề nghiệp, tác động đến dạy học và các hoạt động khác. Việc tích hợp công nghệ số vào quá trình giảng dạy đã mang đến những trải nghiệm học tập phong phú và hiệu quả hơn cho sinh viên, đồng thời kiến tạo một môi trường học tập linh hoạt, tương tác và cá nhân hóa. Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới trong quản lý, giảng dạy, đánh giá và nghiên cứu khoa học không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý mà còn mở ra nhiều phương thức và cơ hội tiếp cận giáo dục nghề nghiệp, tạo bước đột phá về chất lượng, tăng nhanh quy mô đào tạo. CDS góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia trên trường quốc tế.

Đối với các tổ chức giáo dục, CDS giúp tối ưu hóa hoạt động quản lý, tăng vị thế cạnh tranh của nhà trường (Matei & Iwinska, 2016; Yu, 2023). Trong đó, chuyển đổi số trong công tác quản lý sinh viên là việc ứng dụng công nghệ kỹ thuật số để thay đổi cách thức quản lý thông tin, quy trình và tương tác với sinh viên, nhằm nâng cao hiệu quả, minh bạch và sự hài lòng của sinh viên (Altbach và Reisberg, 2019). Quá trình này cho phép sinh viên truy cập thông tin cá nhân, đăng ký khóa học, xem điểm số và lịch học tập mọi lúc mọi nơi (Chen et al., 2021). CDS cũng cung cấp các dịch vụ tư vấn học tập trực tuyến thông qua trò chuyện trực tiếp, email hoặc điện thoại trực tuyến, giúp sinh viên giải đáp thắc mắc và nhận được sự hỗ trợ kịp thời (Hokanson et al., 2019).

Tại Việt Nam, CDS được xác định là con đường ngắn nhất để tạo ra những bước đột phá trong phát triển giáo dục nước nhà. Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách nhằm thúc đẩy CDS toàn diện trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Thủ tướng Chính phủ, 2020). Để đạt được mục tiêu này, việc nâng cao năng lực số cho mỗi công dân, đặc biệt là sinh viên - lực lượng lao động tương lai - là vô cùng quan trọng. Nhiều dự án, chương trình đào tạo kỹ năng số đã và đang được triển khai tại các trường đại học, góp phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thành công trong thời đại số. Nhận thức được tầm quan trọng của chuyển đổi số, nhiều trường đại học đã chủ động thích ứng và nắm bắt cơ hội để thực hiện CDS. Hoạt động này đã giúp ban Giám hiệu dễ dàng quản lý một cách toàn diện, kịp thời và chính xác mọi hoạt động diễn ra trong trường. Người sử dụng được tiếp cận với nguồn thông tin đầy đủ, chi tiết về từng đối tượng sinh viên, từ đó tiết kiệm thời gian, công sức, chi phí và giảm thiểu những thủ tục rườm rà, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Trong bối cảnh giáo dục đại học hiện đại, sinh viên không chỉ là đối tượng mà còn là mục tiêu của đào tạo của các trường đại học. Chính vì vậy, để nâng cao chất lượng đào tạo, bên cạnh việc đổi mới mô hình quản trị giáo dục đào tạo thì công tác quản lý sinh viên ngày càng được quan tâm. Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quản lý sinh viên, trong những năm qua, các trường đại học ở Việt Nam đã không ngừng đổi mới nội dung và hình thức quản lý sinh viên. Những thành quả đạt được đã góp phần đáng kể vào việc thực hiện sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đặc biệt, trong những năm gần đây, các trường đang từng bước thực hiện CDS từ mô hình giáo dục truyền thống sang mô hình đại học thông minh, trong đó việc ứng dụng công nghệ mới là yếu tố quan trọng xuyên suốt tất cả các khâu của quy trình quản lý, bao gồm cả công tác quản lý sinh viên (Đại học Thương Mại, 2024a; Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021; Đại học Kinh Tế - Đại học Huế, 2023a).

Do vậy, việc phân tích thực trạng CDS trong công tác quản lý sinh viên là yêu cầu cấp thiết để các trường đại học ở Việt Nam hiện thực hóa chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Kết quả nghiên cứu là yếu tố quan trọng góp phần đánh giá chiến lược CDS thành công nhằm tạo nên những bước chuyển mình mạnh mẽ

trong việc đổi mới toàn diện công tác quản lý sinh viên và khẳng định vị thế của nhà trường.

2. Cơ sở lý luận về chuyển đổi số công tác quản lý sinh viên

2.1. Khái niệm chuyển đổi số trong giáo dục

Chuyển đổi số trong giáo dục là quá trình triển khai công nghệ kỹ thuật số và Internet vào hệ thống giáo dục nhằm thay đổi cách thức vận hành, nâng cao chất lượng dịch vụ. CDS không làm thay đổi giá trị cốt lõi của một trường đại học mà tập trung vào việc triển khai công nghệ và nền tảng số để chuyển đổi các hoạt động cốt lõi, đồng thời nắm bắt những cơ hội mà công nghệ mang lại (Marks et al., 2021). Ứng dụng CDS đang dần tạo nên một mô hình giáo dục thông minh, giúp việc học tập trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn. Sự phát triển của công nghệ đã mở ra cơ hội tiếp cận kiến thức và phát triển khả năng tự học cho sinh viên mà không bị giới hạn bởi thời gian và không gian. Cụ thể, CDS trong giáo dục tập trung vào ba yếu tố chính:

(1) Ứng dụng công nghệ vào giảng dạy, kết hợp với phương pháp sư phạm hiện đại. Nhà trường triển khai các công cụ quản lý đào tạo để quản lý, đánh giá và theo dõi tiến trình học tập của sinh viên. Ngoài ra, nhà trường có thể ứng dụng công nghệ giảng dạy mới và truyền thông đa phương tiện để tăng cường sự hiệu quả và tính tương tác của quá trình giảng dạy.

(2) Ứng dụng công nghệ vào hoạt động quản lý sinh viên thông qua các phần mềm chuyển đổi số. Nhà trường có thể triển khai phân tích dữ liệu và ứng dụng AI để đánh giá hiệu quả quản lý giáo dục, dự đoán xu hướng và đưa ra quyết định thông minh.

(3) Ứng dụng công nghệ vào các công cụ hỗ trợ giảng dạy: Phát triển nội dung số trong việc hỗ trợ quản lý sinh viên, giao tiếp với phụ huynh và cung cấp thông tin về chương trình học và kết quả học tập.

Mục tiêu của CDS là nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và quản lý sinh viên, tạo ra mô hình học tập mới và mang đến những trải nghiệm học tập tốt hơn cho sinh viên. Chuyển đổi số giúp kết nối mọi yếu tố trong môi trường giáo dục, tạo ra những trải nghiệm học tập mới mẻ, tăng cường sự tương tác và xóa nhòa khoảng cách địa lý. Một số ứng dụng của CDS trong việc nâng cao trải nghiệm cho sinh viên như cho phép sinh viên nhập học trực tuyến thông qua ứng dụng di động hoặc Website, mở rộng phương thức học tập trực tuyến với nhiều lựa chọn đa dạng, sử dụng công nghệ để theo dõi sự tiến bộ của sinh viên, can thiệp kịp thời khi cần thiết và áp dụng các phương pháp dạy và học tiên tiến, hiện đại (Marks et al., 2021; Altbach & Reisberg, 2020; Matei & Iwinska, 2016).

2.2. Chuyển đổi số công tác quản lý sinh viên

Công tác quản lý sinh viên là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong các hoạt

động đào tạo tại các trường đại học. Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác này, Đảng và Nhà nước luôn dành sự quan tâm đặc biệt, thể hiện qua việc ban hành các văn bản pháp lý, quy định và hướng dẫn về công tác sinh viên nhằm giúp các trường tổ chức và triển khai công tác sinh viên một cách thống nhất và hiệu quả (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2016). Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý sinh viên góp phần tạo nên những chuyển biến tích cực trong giáo dục (Quốc hội, 2019; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2017).

Theo Hokanson et al. (2019), quản lý sinh viên là hoạt động quản lý mọi thông tin liên quan đến sinh viên thông qua các quy định, quy chế, chính sách của nhà trường và Chính phủ. Những người chịu trách nhiệm quản lý sinh viên bao gồm Ban giám hiệu, phòng phụ trách công tác sinh viên, cố vấn học tập và các phòng ban liên quan. Các hoạt động quản lý sinh viên bao gồm:

- Tổ chức tiếp nhận sinh viên trúng tuyển, sắp xếp lớp học hành chính, cấp thẻ sinh viên, quản lý hồ sơ, tiếp nhận sinh viên nội trú, thu thập và xử lý dữ liệu sinh viên.
- Tổ chức và quản lý hoạt động học tập, rèn luyện như theo dõi, đánh giá ý thức học tập, rèn luyện; phân loại sinh viên; tổ chức các hoạt động thi đua, khen thưởng, kỷ luật; tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên"; khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, các cuộc thi Olympic; giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, ngoại khóa; tạo điều kiện cho sinh viên đối thoại với Ban Giám hiệu; theo dõi công tác phát triển Đảng; tư vấn học tập, nghề nghiệp, việc làm.
- Chăm sóc sức khỏe, thể chất và tổ chức các hoạt động y tế, thể thao cho sinh viên.
- Thực hiện chế độ, chính sách nhằm đảm bảo quyền lợi cho sinh viên theo quy định.
- Thực hiện công tác an ninh chính trị, trật tự, an toàn, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội cho sinh viên.

2.3. Vai trò của chuyển đổi số công tác quản lý sinh viên

Quản lý sinh viên là một trong những hoạt động quan trọng trong hệ thống giáo dục đào tạo của trường đại học. Hoạt động này đã có những thay đổi lớn nhờ việc ứng dụng công nghệ số trong quá trình CĐTS, giúp mở rộng quy mô đào tạo bằng cách kết hợp linh hoạt giữa hình thức trực tuyến và trực tiếp, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý sinh viên một cách toàn diện. Trong bối cảnh hiện tại, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, các trường đại học triển khai CĐTS tạo ra các quy trình quản lý hiệu quả, tăng cường sự tương tác và cải thiện trải nghiệm của sinh viên. Mô hình đào tạo kết hợp này cho phép các trường đại học mở rộng đối tượng sinh viên, tăng chỉ tiêu tuyển sinh, giảm chi phí vận hành, đồng thời đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của sinh viên. Một số vai trò cụ thể của CĐTS trong công tác quản lý sinh viên:

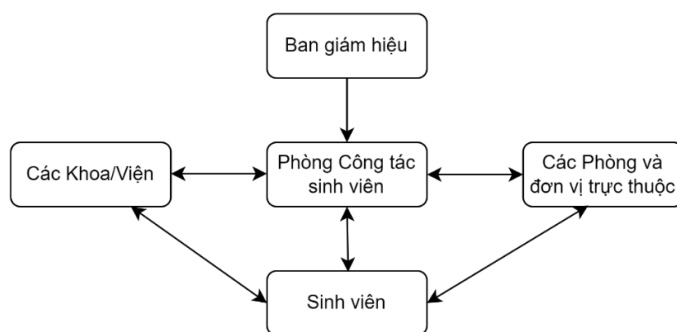
- *Nâng cao hiệu quả quản lý thông tin sinh viên*: Chuyển đổi số cho phép lưu trữ, quản lý và truy cập thông tin sinh viên một cách tập trung, hiệu quả và an toàn. Thay vì sử dụng sổ sách giấy tờ truyền thống, các hệ thống quản lý sinh viên điện tử hiện đại có thể lưu trữ toàn bộ hồ sơ của sinh viên, bao gồm thông tin cá nhân, kết quả học tập, hoạt động ngoại khóa, kỷ luật. CDS giúp giảm thiểu thời gian và công sức cho việc quản lý, đồng thời hạn chế sai sót và thất lạc thông tin (Marks et al., 2021).
- *Tăng cường tương tác và hỗ trợ sinh viên*: Chuyển đổi số tạo ra nhiều kênh giao tiếp đa dạng và thuận tiện giữa nhà trường, giảng viên và sinh viên. Các nền tảng trực tuyến, ứng dụng di động, mạng xã hội cho phép sinh viên dễ dàng tiếp cận thông tin, trao đổi với giảng viên, tham gia các hoạt động ngoại khóa. Theo Hokanson et al. (2019), các công cụ kỹ thuật số như diễn đàn thảo luận, chat trực tuyến, email giúp tăng cường sự kết nối giữa sinh viên và giảng viên, tạo điều kiện cho sinh viên nhận được sự hỗ trợ cần thiết trong quá trình học tập.
- *Cá nhân hóa trải nghiệm học tập*: Ứng dụng công nghệ số cho phép thu thập và phân tích dữ liệu về hành vi, kết quả học tập của từng sinh viên, từ đó cung cấp các chương trình, tài liệu học tập và hỗ trợ phù hợp với nhu cầu, năng lực của từng cá nhân. Các hệ thống AI có thể phân tích dữ liệu học tập của sinh viên để đưa ra các khuyến nghị về nội dung học tập, phương pháp học tập phù hợp, giúp sinh viên nâng cao hiệu quả học tập (Yu, 2023; Gardner et al., 2021).
- *Tự động hóa các quy trình quản lý*: Nhiều quy trình quản lý sinh viên có thể được tự động hóa nhờ công nghệ số như: đăng ký môn học, xét duyệt học bổng, quản lý điểm danh, cấp phát chứng chỉ. Hoạt động này giúp giảm thiểu khối lượng công việc thủ công, tiết kiệm thời gian và nguồn lực cho nhà trường.
- *Nâng cao năng lực quản trị của nhà trường*: dữ liệu về hoạt động giảng dạy, học tập và quản lý sinh viên được thu thập, phân tích, thống kê và dự báo xu hướng học tập của sinh viên. Kết quả phân tích giúp nhà trường hiểu rõ những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên để điều chỉnh chính sách, phương pháp giảng dạy và đánh giá sao cho phù hợp. Từ đó nhà trường có thể xây dựng mạng lưới kết nối trực tiếp, trực tuyến với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng nhằm giúp sinh viên được đào tạo những kỹ năng, kiến thức thực tiễn và sẵn sàng làm việc ngay sau khi tốt nghiệp.

3. Thực trạng chuyển đổi số công tác quản lý sinh viên ở các trường đại học Việt Nam

3.1. Phân tích thực trạng

Hoạt động quản lý sinh viên tại các trường đại học hiện nay đang được phân hai cấp là Trường và cấp Khoa/Viện. Mô hình quản lý sinh viên tại trường được tổ chức

trong hình 1.



Hình 1. Mô hình quản lý sinh viên tại trường đại học

Các trường đại học đều ban hành những quyết định khác nhau về công tác quản lý sinh viên (Đại học Thương Mại, 2024b; Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021; Đại học Kinh Tế - Đại học Huế, 2023b). Trong đó, phòng công tác sinh viên (CTSV) có chức năng, nhiệm vụ cụ thể như tổ chức các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, quản lý và hỗ trợ sinh viên. Hiện nay, các trường đại học đã đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ, bao gồm đường truyền Leased Line và mạng Wifi phủ sóng toàn trường. Đồng thời nhà trường đẩy mạnh tương tác trực tuyến, khuyến khích giảng viên và sinh viên phát huy sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học. Thư viện của trường đang dần chuyển đổi sang mô hình thư viện số, giúp nâng cao năng lực quản lý, chất lượng dịch vụ và kỹ năng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ thư viện. Số lượng người truy cập tài nguyên số ứng dụng di động ngày càng tăng khẳng định xu hướng học tập, nghiên cứu trên nền tảng số đang phát triển mạnh mẽ. Hiện nay, nhà trường đang thực hiện quá trình CDS công tác quản lý sinh viên thông qua các hoạt động sau:

1) Quản lý sinh viên trực tuyến

Đại học Kinh tế quốc dân là đơn vị tiên phong trong việc xây dựng quy trình quản lý sinh viên trực tuyến. Quy trình thực hiện gồm 4 bước: Sinh viên được cấp tài khoản với mật khẩu mặc định là mã số sinh viên. Sau khi đăng nhập, sinh viên điền thông tin vào mẫu yêu cầu và nộp trực tuyến. Giáo vụ tiếp nhận yêu cầu, xử lý và thông báo kết quả qua email. Cuối cùng, sinh viên nhận kết quả tại văn phòng. Hiện nay, trường đã số hóa dữ liệu sinh viên, quản lý sinh viên trực tuyến và triển khai các dịch vụ hỗ trợ sinh viên như cung cấp thông tin tuyển sinh, đăng ký thi, công bố điểm thi.

Đại học Quốc gia Hà Nội đã triển khai hệ thống quản lý thông tin sinh viên tập trung, cho phép quản lý toàn diện thông tin sinh viên từ tuyển sinh đến tốt nghiệp. Sinh viên có thể truy cập hệ thống để tra cứu thông tin cá nhân, đăng ký học phần, xem lịch thi, nộp học phí trực tuyến. Bên cạnh đó Đại học Bách khoa Hà Nội cũng đã triển khai hệ thống thông tin sinh viên tập trung, tích hợp nhiều chức năng như quản lý hồ sơ, điểm danh, đánh giá kết quả học tập, hỗ trợ sinh viên.

2) Cung cấp dịch vụ trực tuyến cho sinh viên

Nhà trường đã triển khai dịch vụ quản lý sinh viên trực tuyến, cho phép sinh viên thực hiện các thủ tục hành chính mọi lúc mọi nơi thông qua mạng Internet. Quy trình thực hiện nhanh chóng khi sinh viên chỉ cần đăng nhập vào hệ thống, tìm kiếm biểu mẫu cần thiết, điền thông tin và gửi yêu cầu. Sau đó, hệ thống sẽ tự động xử lý hồ sơ và thông báo kết quả cho sinh viên. Điển hình như trường Đại học Văn hóa Hà Nội đã triển khai các dịch vụ trực tuyến như đăng ký học, đóng học phí, xin cấp giấy tờ, tra cứu thông tin. Trường Đại học Văn Lang đã phát triển hệ sinh thái giáo dục đại học và ứng dụng công nghệ để kết nối với doanh nghiệp, hỗ trợ sinh viên trong việc định hướng nghề nghiệp.

3) Tích hợp thẻ sinh viên thông minh

Nhằm tối ưu hóa công tác quản lý sinh viên và bắt kịp xu hướng công nghệ, trường Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Thương Mại đã thay thế thẻ sinh viên giấy truyền thống bằng thẻ đa năng tích hợp chip điện tử từ năm học 2022-2023. Hợp tác cùng ngân hàng Agribank, nhà trường triển khai giải pháp quản lý trường học thông minh, mang đến nhiều lợi ích thiết thực cho cả sinh viên và cán bộ quản lý. Thẻ sinh viên đa năng có gắn chip mang lại nhiều tiện ích mới cho sinh viên. Chỉ với một chiếc thẻ duy nhất, sinh viên có thể thực hiện nhiều giao dịch khác nhau như mượn sách thư viện, thanh toán học phí, gửi/rút tiền, sử dụng các dịch vụ trong trường (căng tin, dịch vụ in ấn, photocopy). Khi đó, thông tin sinh viên được lưu trữ và quản lý tập trung, chính xác, khách quan và minh bạch, giảm thiểu các thủ tục hành chính rườm rà. Ngoài ra, chip điện tử trên thẻ giúp ngăn chặn tình trạng làm giả, gian lận, đảm bảo an toàn thông tin cho sinh viên. Trong năm học tới, thẻ có thể được tích hợp thêm nhiều tính năng mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của sinh viên, góp phần xây dựng môi trường học tập hiện đại, chuyên nghiệp, thúc đẩy quá trình CDS trong nhà trường.

4) Sử dụng phần mềm chuyển đổi số quản lý sinh viên

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là một trong những trường đầu tiên tại miền Bắc thực hiện chuyển đổi số. Trường đã đào tạo trực tuyến 90% các học phần để ứng phó với đại dịch Covid-19 và hoàn thiện hệ thống đại học điện tử cho quản lý toàn diện quy trình đào tạo từ tuyển sinh đến cấp văn bằng tốt nghiệp. Đại học Bách khoa Hà Nội đang chủ trì xây dựng đề án thí điểm mô hình giáo dục đại học số, với mục tiêu phát triển chương trình đào tạo khối ngành máy tính và công nghệ thông tin. Trường cũng tham gia vào dự án xây dựng nền tảng khóa học trực tuyến mở (MOOC) dùng chung cho các cơ sở giáo dục. Trong khi đó, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai hơn 10 chương trình đào tạo hoàn toàn CDS và đặt mục tiêu chuyển đổi số 70% vào năm 2025. Bắt đầu từ năm 2009, Trường Đại học Kinh tế TP HCM đã phát triển hệ thống đào tạo tín chỉ và hiện tại hầu hết các hoạt động của trường đã được chuyển đổi số, bao gồm quản lý sinh viên và giảng dạy trực tuyến. Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn đặt mục tiêu trở thành đại học số vào năm 2025, với các dự án hợp tác phát triển công nghệ AI và robot tương tác xã hội. Điểm chung của các phần mềm CDS đang được triển khai tại các

trường là đều cung cấp phân hệ chức năng quản lý toàn diện thông tin sinh viên, bao gồm các chức năng chính sau:

- *Duyệt sinh viên nhập hồ sơ Online*: nhà trường thu thập dữ liệu khi sinh viên đăng ký tuyển sinh trực tuyến. Thông tin khai báo của thí sinh trong quá trình đăng ký xét tuyển sẽ được tự động chuyển vào phân hệ quản lý đào tạo nếu thí sinh trúng tuyển. Sau đó, sinh viên sẽ bổ sung thông tin chi tiết trong mục "Thông tin sinh viên" sau khi được cấp tài khoản. Phòng CTSV sẽ tiến hành rà soát và phê duyệt các thông tin bổ sung này.

- *Quản lý thông tin sinh viên*: thông tin quan trọng của sinh viên như họ tên, ngày sinh, dân tộc, CMND, hộ khẩu, địa chỉ, số điện thoại, bậc đào tạo, ngành học ddwwocj lưu trữ trong cơ sở dữ liệu sinh viên. Hệ thống cung cấp giao diện tra cứu sinh viên với nhiều tiêu chí tìm kiếm để dễ dàng truy vấn thông tin. Ngoài ra, chức năng này cho phép cập nhật, bổ sung, và điều chỉnh thông tin sinh viên trong suốt quá trình học tập. Dữ liệu sinh viên cũng được kết nối và cung cấp cho Website cổng thông tin sinh viên.

- *Đánh giá kết quả rèn luyện*: Việc đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên hiện nay được thực hiện dựa trên quy chế công tác học sinh, sinh viên của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2017). Theo quy định, sinh viên phải tự đánh giá điểm rèn luyện của mình mỗi học kỳ, sau đó cố vấn học tập và hội đồng đánh giá của nhà trường sẽ xem xét và đưa ra kết quả cuối cùng. Sinh viên có thể tự đánh giá trên trang cá nhân, cung cấp minh chứng kết nối với điểm học tập, hoạt động đoàn hội và các hoạt động khác. Phần mềm sẽ tự động tính toán và đưa ra kết quả rèn luyện sơ bộ. Cố vấn học tập và phòng CTSV sẽ lần lượt kiểm tra, chỉnh sửa và chốt điểm cuối cùng.

- *Giáo dục chính trị tư tưởng*: Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, cuối khóa cho sinh viên năm nhất và năm cuối, đồng thời thường xuyên tổ chức các cuộc thi Olympic các môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó, sinh viên được củng cố tư tưởng chính trị, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và các quy định của nhà trường. Hoạt động này hiện chỉ áp dụng cho các chương trình đào tạo chính quy.

- *Khen thưởng, kỷ luật sinh viên*: Nhà trường kịp thời khen thưởng sinh viên có đạo đức tốt, chấp hành tốt quy định, đạt thành tích cao trong học tập và nghiên cứu khoa học. Nhà trường duy trì quỹ học bổng khuyến khích học tập và tiếp nhận học bổng từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp. Phòng CTSV là đầu mối tiếp nhận và quản lý các nguồn học bổng này. Việc xét học bổng do Phòng CTSV phụ trách, tập trung vào các chương trình đào tạo chính quy. Đồng thời, nhà trường cũng xử lý kỷ luật đối với các trường hợp sinh viên vi phạm.

- *Quản lý hành chính và thực hiện chế độ chính sách*: Phòng CTSV là đơn vị thường trực tiếp nhận và xử lý hồ sơ sinh viên liên quan đến các chế độ chính sách, hỗ trợ sinh viên thực hiện các thủ tục hành chính như thi cử, du học, thực tập, đăng ký xe. Phòng cũng phối hợp với các cơ quan chức năng xác nhận lý lịch cho cựu sinh viên và xử

lý các trường hợp sinh viên vi phạm pháp luật.

- *Cổng thông tin sinh viên*: cho phép sinh viên truy cập vào thông tin cá nhân như lịch học, lịch thi, kết quả học tập và các thông báo từ nhà trường. Ngoài ra, sinh viên có thể tương tác trực tiếp với giảng viên và nhà trường. Cổng thông tin hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động trực tuyến như đăng ký học phần, tham gia các hội nhóm, đăng ký ký túc xá và hoạt động ngoại khóa. Cổng thông tin cung cấp giao diện thân thiện, cho phép sinh viên dễ dàng tạo và nộp hồ sơ "Sinh viên 5 tốt" trực tuyến, bao gồm việc tải lên thông tin cá nhân và các chứng chỉ liên quan. Ngoài ra, sinh viên có thể cập nhật thông tin về các hoạt động, sự kiện của trường, viết bài và chia sẻ thông tin về các câu lạc bộ, đội, nhóm. Hội sinh viên được khuyến khích sử dụng các nền tảng hội nghị trực tuyến như MS Teams, Zoom Meeting, Google Meet để tăng cường hiệu quả hoạt động.

- *Cổng thông tin phụ huynh* cho phép phụ huynh theo dõi thông tin về kết quả học tập, mức độ chuyên cần và các hoạt động ngoại khóa của con em mình. Mặt khác, phụ huynh có thể dễ dàng kết nối với nhà trường, cô vấn học tập và giảng viên để trao đổi thông tin hay tham gia các khảo sát trực tuyến do nhà trường tổ chức.

3.2. Đánh giá thực trạng

3.2.1. Ưu điểm

Hoạt động CDS công tác quản lý sinh viên đang hiện thực hóa mục tiêu quản trị đại học số của các trường đại học ở Việt Nam. Trong suốt những năm học qua hoạt động CDS đã đáp ứng nhu cầu và đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của sinh viên cũng như tuân thủ các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nếu trước đây, công tác quản lý sinh viên tại các trường chủ yếu dựa trên hồ sơ, sổ sách thì hiện nay mọi hoạt động đã được số hóa thông qua các phần mềm và cơ sở dữ liệu hiện đại. Các hoạt động liên quan đến quản lý sinh viên được thực hiện trực tuyến trên toàn hệ thống. Nhờ đó, các trường không chỉ xây dựng được cơ sở dữ liệu phục vụ đào tạo trực tuyến mà còn kết nối, chuyển giao kết quả nghiên cứu đến các đối tác, hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý sinh viên.

Mô hình số hóa công tác quản lý sinh viên đã tiết kiệm thời gian và công sức cho cả sinh viên và cán bộ phòng công tác sinh viên. Hồ sơ được xử lý nhanh chóng và chính xác hơn. Mọi thông tin về thủ tục, lệ phí đều được công khai rõ ràng trên hệ thống. Quy trình xử lý đều rõ ràng, minh bạch giúp ngăn chặn các hành vi tiêu cực. Việc số hóa dữ liệu trên phần mềm đã giúp thông tin sinh viên được lưu trữ đầy đủ, chính xác và dễ dàng truy cập, giúp giảm thiểu thời gian tra cứu, tìm kiếm thông tin, loại bỏ nguy cơ mất mát hoặc hư hỏng hồ sơ giấy tờ. Dữ liệu được lưu trữ an toàn, hạn chế truy cập trái phép. Khi đó các trường sẽ dễ dàng tổng hợp, phân tích và báo cáo thông tin liên quan đến hoạt động của sinh viên.

Phần mềm quản lý sinh viên đang được sử dụng tại các trường đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý đào tạo và sinh viên. Việc triển khai phân hệ chức năng

quản lý sinh viên đã tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên và phụ huynh trong việc tra cứu, cập nhật và trao đổi thông tin. Ngoài ra, việc triển khai đánh giá rèn luyện trực tuyến không chỉ mang lại lợi ích về mặt quản lý mà còn góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trong học tập và rèn luyện, hướng tới mục tiêu đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Chức năng đánh giá trực tuyến sẽ cho phép sinh viên tham gia đánh giá mọi lúc, mọi nơi, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

3.2.2. Hạn chế

Mặc dù các trường đã tích cực thực hiện CDS từ năm học 2022-2023, công tác quản lý sinh viên đang còn một số hạn chế nhất định, cần được quan tâm và có những giải pháp khắc phục kịp thời. Cụ thể, phân hệ chức năng quản lý sinh viên chưa có những ràng buộc yêu cầu cập nhật đầy đủ thông tin sinh viên, dẫn đến việc nhiều dữ liệu quan trọng bị thiếu hoặc bỏ trống. Điều này gây khó khăn cho việc tra cứu và quản lý thông tin sinh viên. Ngoài ra có một số cán bộ phòng CTSV chưa thực sự thay đổi nhận thức và sẵn sàng sử dụng phần mềm CDS. Hơn nữa, việc giảng viên kiêm nhiệm cố vấn học tập (CVHT) đang phải đảm nhận nhiều công việc. Ngoài hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học, CVHT được phân công kiêm nhiệm cố vấn học tập với nhiều nhiệm vụ khác nhau. Điều này dẫn đến sự quá tải công việc và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của CVHT. Mặt khác, hầu hết các trường có ít cán bộ chuyên trách hỗ trợ sinh viên trong các vấn đề liên quan đến quy chế, quy định (điểm rèn luyện, khen thưởng, kỷ luật, bảo hiểm y tế) khiến sinh viên gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin và giải quyết các thủ tục. Công tác tư vấn tâm lý và công tác xã hội chưa được quan tâm nhiều, ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của sinh viên. Ngoài ra, công tác quản lý sinh viên hiện nay mới chỉ tập trung vào hệ chính quy, chưa bao quát các hệ đào tạo khác như hệ đào tạo từ xa, hệ vừa học vừa làm, dẫn đến sự thiếu công bằng trong việc hỗ trợ và quản lý sinh viên.

3.2.3 Thách thức

Mặc dù CDS mang đến nhiều lợi ích cho các trường đại học ở Việt Nam, giúp việc dạy và học trở nên thuận tiện và hiệu quả hơn. Quá trình này cũng đối mặt với không ít khó khăn và thách thức. Nguồn lực con người, cơ sở hạ tầng, chi phí đầu tư là những rào cản lớn cần được tháo gỡ để ứng dụng CDS thành công.

- *Thách thức về chiến lược*: Nhà trường gặp thách thức trong việc xây dựng chiến lược CDS công tác quản lý sinh viên gắn với phương hướng và mục tiêu phát triển của nhà trường, phù hợp với những giá trị mà CDS mang lại cho sinh viên. Do đó, sự thiếu vắng lộ trình rõ ràng cùng với sự hỗ trợ từ các chuyên gia khiến việc ứng dụng công nghệ mới sẽ trở nên khó khăn và kém hiệu quả.

- *Thách thức về chi phí*: Đầu tư cho CDS trong nhà trường có độ rủi ro nhất định, trong khi các tiêu chí đánh giá hiệu quả vẫn chưa rõ ràng. Ngoài chi phí phần mềm, còn có nhiều chi phí ẩn khác như chi phí đào tạo, chi phí vận hành, bảo trì cần được quản lý.

Việc tính toán chi phí, đánh giá khả năng sinh lời và huy động vốn là những vấn đề nan giải đối với các trường đại học.

- *Thách thức về công nghệ*: Khi CDS công tác quản lý sinh viên, mọi thông tin về sinh viên cần được số hóa hoàn toàn. Tuy nhiên, hạ tầng mạng, trang thiết bị và dịch vụ Internet ở nhiều nơi còn hạn chế, gây khó khăn cho việc triển khai giáo dục số.

- *Thách thức về bảo mật dữ liệu*: Môi trường CDS kết nối vạn vật mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ về an ninh mạng. Việc thu thập, chia sẻ và khai thác dữ liệu sinh viên cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bản quyền, sở hữu trí tuệ và an ninh thông tin. Để khắc phục những hạn chế này, nhà trường đã xác định mục tiêu chuyển đổi số, xây dựng hệ thống quản trị số, cung ứng dịch vụ giáo dục trên nền tảng giáo dục số và phát triển xã hội số trong quản lý sinh viên.

4. Giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển đổi số công tác quản lý sinh viên

4.1. Định hướng công tác quản lý sinh viên

Nhiều trường đại học hiện nay đang thực hiện cơ chế tự chủ toàn diện với chiến lược phát triển giáo dục trong những năm tới trở thành đại học tự chủ, đi tiên phong trong chuyển đổi số, có hệ thống quản trị hiện đại, thông minh và chuyên nghiệp đạt chuẩn kiểm định quốc tế. Trường là trung tâm thu hút đào tạo và bồi dưỡng nhân tài, địa điểm làm việc của những chuyên gia hàng đầu trong đào tạo và nghiên cứu về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh. Nhằm hiện thực hóa mục tiêu chiến lược phát triển trên, công tác quản lý sinh viên cần được định hướng lại với những mục tiêu cụ thể. Trước hết, sinh viên phải là đối tượng trọng tâm, mọi hoạt động của nhà trường cần hướng đến việc phục vụ và tạo điều kiện tốt nhất cho họ. Các thủ tục hành chính cần được đơn giản hóa và số hóa để sinh viên dễ dàng tiếp cận các dịch vụ một cách nhanh chóng và thuận tiện. Mô hình quản lý sinh viên được xây dựng linh hoạt, phù hợp với sự năng động và đa dạng của môi trường giáo dục hiện đại. Việc học hỏi các kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt từ các trường đại học uy tín về mô hình quản lý và đào tạo, là cần thiết để hoàn thiện hệ thống quản lý sinh viên. Ứng dụng công nghệ thông tin sẽ giúp tối ưu hóa hiệu quả quản lý và đồng bộ hóa dữ liệu. Nhà trường sẽ thu thập và phân tích dữ liệu lớn của sinh viên để tìm ra những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập, từ đó có những điều chỉnh về chính sách, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người học cũng như của xã hội. Đồng thời, việc xây dựng hệ thống văn bản thống nhất với các quy định chung về quản lý sinh viên, bao gồm cả các chương trình đặc thù và liên kết, là cần thiết để đảm bảo tính đồng bộ. Nhà trường hướng tới việc xây dựng quy chế chung về xét học bổng khuyến khích học tập và thành lập bộ phận chuyên trách cho các chương trình đặc thù, liên kết đào tạo bằng tiếng Anh. Cuối cùng, việc tăng cường phối hợp giữa các phòng ban chức năng và các chương trình đào tạo, đặc biệt là các chương trình liên kết, sẽ nâng cao hiệu quả quản lý sinh viên thuộc nhiều loại hình đào tạo khác nhau.

4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển đổi số công tác quản lý sinh viên

- *Thành lập trung tâm hỗ trợ sinh viên:* Việc thành lập trung tâm hỗ trợ sinh viên trực thuộc phòng CTSV là một giải pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả công tác sinh viên. Trung tâm sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ sinh viên về các mặt: thủ tục hành chính, quan hệ doanh nghiệp, tư vấn việc làm, hướng nghiệp - khởi nghiệp, tư vấn tâm lý cho sinh viên về các vấn đề tình cảm, tâm sinh lý, các mối quan hệ cá nhân, góp phần hoàn thành sứ mệnh giáo dục của nhà trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế và đáp ứng yêu cầu kiểm định giáo dục. Trung tâm là nơi tư vấn hướng nghiệp và việc làm, là cầu nối giữa sinh viên và doanh nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, định hướng nghề nghiệp và trang bị kỹ năng xin việc cho sinh viên. Trung tâm sẽ tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng mềm và tạo cơ hội giao lưu với các doanh nhân thành đạt. Trung tâm cũng là nơi kết nối mạng lưới cựu sinh viên do hiện nay mạng lưới cựu sinh viên đang ngày càng phát triển với nhiều hoạt động thiết thực như hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ tuyển dụng và cấp học bổng. Hoạt động này cần được đầu tư về nhân lực và công nghệ để nâng cao hiệu quả như xây dựng ứng dụng di động và hệ thống mã hóa thành viên.

- *Đầu tư cơ sở vật chất hiện đại:* Xây dựng hạ tầng công nghệ là một phần quan trọng trong chuyển đổi số, bao gồm thêm mới máy chủ và trang thiết bị thông minh, nâng cấp hệ thống mạng, tăng cường băng thông ở các giảng đường có kết nối Internet hạn chế để đảm bảo sự đồng đều trong việc tiếp cận công nghệ. Tiếp theo, nhà trường cần quan tâm nâng cao năng lực tính toán bằng cách xây dựng các cụm máy chủ để xử lý khối lượng dữ liệu lớn một cách nhanh chóng. Trong tương lai, nhà trường cần có kế hoạch đầu tư hạ tầng công nghệ đồng bộ, xây dựng mô hình kiến trúc đại học số, phát triển nền tảng số an toàn, bảo mật. Nhà trường đảm bảo các công cụ, nền tảng hỗ trợ triển khai CDS hoạt động ổn định và tin cậy để đáp ứng các yêu cầu của nhiều người sử dụng cùng một thời điểm.

- *Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi số:* hoàn thiện các chính sách, quyết định liên quan đến việc triển khai hoạt động CDS, tạo khung pháp lý rõ ràng và thống nhất. Nhà trường cần thống nhất các quy định về khai thác và chia sẻ dữ liệu, quy trình quản lý sinh viên, đảm bảo quá trình CDS diễn ra một cách đồng bộ và hiệu quả.

- *Nâng cao nhận thức và năng lực số cho các bên liên quan:* Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng và tính cấp bách của chuyển đổi số, xây dựng văn hóa số, tuyên truyền, tập huấn kỹ năng số cho sinh viên và cán bộ phòng CTSV. Trong bối cảnh công nghệ phát triển không ngừng, CDS đòi hỏi tất cả các chủ thể tham gia phải có tư duy linh hoạt, sẵn sàng thích ứng với những thay đổi nhanh chóng. Các khóa đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm cần được tổ chức định kỳ, thường xuyên cho sinh viên. Cán bộ phòng CTSV cần được trang bị những kiến thức cơ bản về công nghệ, kỹ năng cần thiết như kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác hiệu quả

phần mềm. Tiếp theo, nhà trường cần xây dựng văn hóa số trong môi trường giáo dục để tạo ra một không gian làm việc và học tập hiện đại.

- *Xây dựng hạ tầng dữ liệu và phân tích dữ liệu sinh viên*: Song song với việc triển khai phần mềm quản lý sinh viên nhà trường cần tập trung xây dựng trung tâm dữ liệu sinh viên. Trung tâm dữ liệu sẽ lưu trữ toàn bộ thông tin từ khi sinh viên đăng ký dự thi đến khi tốt nghiệp, bao gồm quá trình học tập, kết quả học tập và các hoạt động ngoại khóa. Dữ liệu được cập nhật, đồng bộ hóa, phân quyền quản lý và truy cập chặt chẽ theo từng nhóm đối tượng. Phần mềm có thể tự động theo dõi và phân tích lộ trình, tiến độ và sự tiến bộ của sinh viên, từ đó tạo nền tảng cho việc cá nhân hóa học tập. Dựa trên kết quả phân tích, sinh viên có thể điều chỉnh nhịp độ, cường độ học tập hoặc thay đổi môn học, ngành học, định hướng nghề nghiệp cho phù hợp với bản thân. Sinh viên thuộc nhóm có nguy cơ học tập kém sẽ được phòng CTSV tư vấn và hỗ trợ trực tiếp. Hệ thống cũng giúp phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập, từ đó cung cấp cơ sở để điều chỉnh hoạt động đào tạo phù hợp.

5. Kết luận

Bài báo phân tích thực trạng chuyên đổi số công tác quản lý sinh viên tại các trường đại học Việt Nam. Kết quả phân tích cho thấy các trường đang trong quá trình CDS toàn diện nhằm khẳng định năng lực cạnh tranh và uy tín của mình, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động. Trong đó, CDS công tác quản lý sinh viên là mục tiêu quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý sinh viên, đảm bảo tính chặt chẽ và dễ dàng truy xuất, xử lý thông tin sinh viên. Đồng thời, hoạt động này đã tăng cường kết nối giữa nhà trường, phụ huynh và các bên liên quan, tạo điều kiện cho sự tương tác hiệu quả. Quá trình CDS góp phần tối ưu hóa các quy trình quản lý sinh viên, tạo thuận lợi trong việc khai thác và phân tích dữ liệu, hỗ trợ Ban Giám hiệu đưa ra các quyết định chính xác kịp thời. Kết quả nghiên cứu là bức tranh toàn cảnh về thực trạng CDS công tác quản lý sinh viên, giúp mở ra một không gian số hóa toàn diện cho sinh viên các ngành, các hệ đào tạo của nhà trường. Kết quả nghiên cứu đồng thời sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc quyết định triển khai các công nghệ mới trong công tác quản lý sinh viên của nhà trường.

Tài liệu tham khảo

1. Adam Marks, Maytha AL-Ali, Reem Atassi, Abdellah Abu Elkishk & Yacine Rezgui (2021). Digital Transformation in Higher Education: Maturity and Challenges Post COVID-19, *Information Technology and Systems (ICITS 2021)*, Vol. 1, Issue 1, pp. 53-70.
2. Altbach, P. G., & Reisberg, L. (2019). *Trends in global higher education: Tracking an academic revolution*, UNESCO, pp. 23-64, ISBN 978-94-6091-338-9
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016). *Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*, quy định về Quy chế công tác sinh viên đối với các chương trình đào tạo đại học hệ chính quy.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2017). *Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTB-XH ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Quy chế công tác sinh viên, sinh viên.*
5. Đại học Kinh Tế, Đại học Huế (2023a), Chiến lược phát triển trường Đại học Kinh Tế - Đại học Huế giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045
6. Đại học Kinh Tế, Đại học Huế (2023b), Quyết định số 676/QĐ-ĐHKT ngày 16 tháng 10 năm 2023 v/v Ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế
7. Đại học Kinh tế Quốc dân (2021), *Quyết định số 314/QĐ-ĐHKTQD ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Chiến lược phát triển của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2021 - 2030*
8. Đại học Thương Mại (2024a). *Quyết định số 913/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Thương Mại, ban hành quy định về Công tác sinh viên chính quy của trường.*
9. Đại học Thương Mại (2024b). *Quyết định số 406/QĐ-ĐHTM ngày 20/03/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Thương Mại, quy định về xét cấp học bổng cho sinh viên chính quy.*
10. Hokanson, B., Kemp, J., & Crookston, B. (2019). A review of the research on student success in online learning: Factors contributing to student satisfaction and persistence. *Online Learning*, Vol. 23, Issue 1, pp. 142-165.
11. John Gardner, Michael O’Leary, Li Yuan (2021), *Artificial intelligence in educational assessment: ‘Breakthrough? Or buncombe and ballyhoo?’* <https://doi.org/10.1111/jcal.12577>, Vol. 37, Issue 5, pp. 1207 - 1216.
12. Jun Yu (2023), *Digitalteaching and learning resources OECD*, in *OECD Digital Education Outlook 2023*, National University of Singapore Quentin Vidal, OECD Stéphan Vincent-Lancrin.
13. Matei, Iwinska (2016). *Quality Assurance in Higher Education. A Practical Handbook*, Yehuda Elkana Center for Higher Education, pp.10-28.
14. OECD (2019). *Going digital: Shaping policies, improving skills*, OECD Publishing, pp. 17-64, ISBN 9264312013
15. Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội, Quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục đại học.*
16. Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.*